

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MST: 3600979223

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 25



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên
Ông Đào Quý Tín	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)
Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quang Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *vtd*



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.

Số: 138/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2021 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

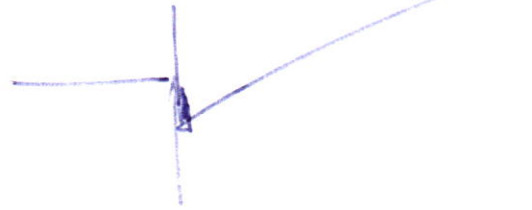
Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 47/2021/BCKT-RSMHCM ngày 17 tháng 02 năm 2021 do thay đổi thông tin thuyết minh mục 7 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính về thu lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác và mục 8 về thu nhập của Ban kiểm soát. Các khoản mục khác trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đính kèm không thay đổi so với báo cáo đã phát hành ngày 17 tháng 02 năm 2021.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.422.953.166	25.679.061.815
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.829.755.858	5.907.894.920
1. Tiền	111	4.1	2.829.755.858	5.907.894.920
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.500.000.000	16.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.500.000.000	16.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		909.603.823	1.431.184.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	483.669.375	1.007.999.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		118.700.000	58.700.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		381.239.521	364.485.370
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(74.005.073)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.149.457.332	1.571.016.961
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.149.457.332	1.571.016.961
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.136.153	268.965.346
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.136.153	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	-	268.965.346
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.150.753.436	29.189.737.281
I. Tài sản cố định	220		30.300.229.365	26.858.749.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	30.104.396.052	26.630.916.631
Nguyên giá	222		56.453.722.282	50.819.688.757
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.349.326.230)	(24.188.772.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227		195.833.313	227.833.317
Nguyên giá	228		320.000.000	320.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.166.687)	(92.166.683)
II. Bất động sản đầu tư	230	4.6	923.546.489	974.336.909
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(346.214.018)	(295.423.598)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		296.477.327	216.769.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		296.477.327	216.769.046
IV. Tài sản dài hạn khác	260		630.500.255	1.139.881.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	630.500.255	1.139.881.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		63.573.706.602	54.868.799.096

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.559.841.185	6.280.029.412
I. Nợ ngắn hạn	310		8.559.841.185	6.280.029.412
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	647.823.196	451.450.489
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	641.459.315	1.167.763.349
3. Phải trả người lao động	314	4.10	4.352.843.682	3.389.431.412
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	174.772.855
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	456.255.551	280.676.376
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12.6	2.461.459.441	815.934.931
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.013.865.417	48.588.769.684
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	55.013.865.417	48.262.542.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	13.650.563.962	11.573.218.952
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.277.836.783	11.603.858.381
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.470.880.861	1.217.133.332
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.806.955.922	10.386.725.049
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	326.227.679
1. Nguồn kinh phí	431		-	326.227.679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		63.573.706.602	54.868.799.096



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	48.015.822.496	44.251.565.639
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		433.190	3.649.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		48.015.389.306	44.247.916.096
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.733.776.839	21.598.153.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.281.612.467	22.649.762.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.254.813.723	752.125.011
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.508.156.405	3.922.466.395
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	8.172.622.725	7.745.291.208
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.855.647.060	11.734.130.346
10. Thu nhập khác	31		329.548.686	153.048.676
11. Chi phí khác	32		152.507.255	127.419.319
12. Lợi nhuận khác	40		177.041.431	25.629.357
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.032.688.491	11.759.759.703
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.225.732.569	1.373.034.654
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.806.955.922	10.386.725.049
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	3.765	2.832
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	3.765	2.832



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.032.688.491	11.759.759.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.528.389.958	2.378.611.240
Các khoản dự phòng	03	5.5	74.005.073	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.372.846.450)	(752.125.011)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.262.237.072	13.386.245.932
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		413.439.539	106.285.949
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		421.559.629	(193.839.344)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		550.181.440	1.395.176.247
Tăng giảm chi phí trả trước	12		509.381.123	684.146.528
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(847.000.000)	(1.870.896.753)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		178.070.217	268.746.335
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.164.405.896)	(814.593.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.323.463.124	12.961.271.754
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.998.787.236)	(1.432.188.809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		118.032.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.500.000.000)	(16.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.254.813.723	752.125.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.625.940.786)	(17.180.063.798)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.775.661.400)	(3.708.948.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.775.661.400)	(3.708.948.600)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(3.078.139.062)	(7.927.740.644)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.907.894.920	13.835.635.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	2.829.755.858	5.907.894.920



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Nước Long Khánh thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 06 năm 2019.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 71/2011/GCNCP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam. Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	12.750.000.000	51	12.750.000.000	51
Cổ đông khác	Việt Nam	12.250.000.000	49	12.250.000.000	49
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67 (31/12/2019: 66).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đấu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	8 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
▪ Khác	10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ dần trong 03 năm;
- Chi phí khác được phân bổ dần từ 03 đến 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí nhân viên...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch.

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	32.253.086	23.176.002
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.797.502.772	5.884.718.918
Cộng	<u>2.829.755.858</u>	<u>5.907.894.920</u>

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 3,6% đến 5,4%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.000.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.500.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	2.500.000.000
Cộng	<u>26.500.000.000</u>	<u>16.500.000.000</u>

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	666.480.982
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Long Khánh	98.301.900	8.249.300
Các khách hàng khác	385.367.475	333.268.936
Cộng	<u>483.669.375</u>	<u>1.007.999.218</u>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.149.457.332	-	1.068.538.194	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	502.478.767	-
Cộng	1.149.457.332	-	1.571.016.961	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	13.225.796.870	4.571.888.240	32.440.806.429	415.197.218	166.000.000	50.819.688.757
Mua trong năm	-	424.493.000	1.049.728.545	-	-	1.474.221.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.369.505.006	144.709.645	2.930.642.759	-	-	4.444.857.410
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(285.045.430)	-	-	(285.045.430)
Tại ngày 31/12/2020	14.595.301.876	5.141.090.885	36.136.132.303	415.197.218	166.000.000	56.453.722.282
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	6.587.401.094	2.989.761.720	14.152.893.014	313.466.314	145.249.984	24.188.772.126
Khấu hao trong năm	786.273.464	324.467.328	1.290.071.022	28.187.724	16.599.996	2.445.599.534
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(285.045.430)	-	-	(285.045.430)
Tại ngày 31/12/2020	7.373.674.558	3.314.229.048	15.157.918.606	341.654.038	161.849.980	26.349.326.230
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	6.638.395.776	1.582.126.520	18.287.913.415	101.730.904	20.750.016	26.630.916.631
Tại ngày 31/12/2020	7.221.627.318	1.826.861.837	20.978.213.697	73.543.180	4.150.020	30.104.396.052

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.739.353.349 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	1.269.760.507	-	-	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	346.214.018	50.790.420	-	295.423.598
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	923.546.489			974.336.909

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	187.700.878	460.552.249
Chi phí sửa chữa, cải tạo	77.766.142	84.057.296
Các khoản khác	365.033.235	595.271.833
Cộng	630.500.255	1.139.881.378

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	128.221.284	128.221.284
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	289.445.200	289.445.200	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng TMDV Đức Anh	112.644.796	112.644.796	-	-
Bà Ngô Thị Kim Thoa	72.800.000	72.800.000	-	-
Các đối tượng khác	172.933.200	172.933.200	323.229.205	323.229.205
Cộng	647.823.196	647.823.196	451.450.489	451.450.489

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.040.724.957	1.730.558.056	-	689.833.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	109.767.223	1.225.732.569	847.000.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.760.355	528.794.718	533.956.512	-	110.922.149
Thuế tài nguyên	-	219.067.286	2.631.934.555	2.596.964.793	-	184.097.524
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	7.242.691	7.242.691	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	206.864.451	3.124.702.017	3.100.748.143	-	182.910.577
Cộng	-	641.459.315	8.562.131.507	8.819.470.195	268.965.346	1.167.763.349

4.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương tháng 12 và tiền thưởng phải trả cho người lao động.

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cổ tức phải trả	34.722.500	60.383.900
Phí dịch vụ môi trường rừng	126.468.784	114.509.148
Chi phí trang phục cho cán bộ công nhân viên	156.800.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.264.267	105.783.328
Cộng	456.255.551	280.676.376

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	25.000.000.000	85.464.672	10.183.101.549	7.655.504.787	42.924.071.008	
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.386.725.049	10.386.725.049	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.390.117.403	(1.390.117.403)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.298.254.052)	(1.298.254.052)	
Chia cổ tức 2018	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	
Tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	85.464.672	11.573.218.952	11.603.858.381	48.262.542.005	
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.806.955.922	13.806.955.922	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.077.345.010	(2.077.345.010)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.305.632.510)	(3.305.632.510)	
Chia cổ tức 2019	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)	
Tại ngày 31/12/2020	25.000.000.000	85.464.672	13.650.563.962	16.277.836.783	55.013.865.417	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của công ty mẹ	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.806.955.922	10.386.725.049
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.393.373.374)	(3.305.632.510)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.413.582.548	7.081.092.539
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.765	2.832

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.806.955.922	10.386.725.049
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.393.373.374)	(3.305.632.510)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.413.582.548	7.081.092.539
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.765	2.832

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LKW ngày 24 tháng 04 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	815.934.931	11.573.218.952
Trích trong năm	3.305.632.510	2.077.345.010
Chi trong năm	(1.660.108.000)	-
Tại ngày 31/12/2020	<u>2.461.459.441</u>	<u>13.650.563.962</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	44.627.578.800	37.916.116.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	3.032.019.696	6.011.609.439
Doanh thu khác	356.224.000	323.840.000
Cộng	<u>48.015.822.496</u>	<u>44.251.565.639</u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	24.327.273	5.150.336.964

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	18.286.587.264	16.188.813.510
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	2.329.977.845	5.258.060.624
Giá vốn khác	117.211.730	151.279.024
Cộng	<u>20.733.776.839</u>	<u>21.598.153.158</u>
Trong đó, chi phí mua hàng và dịch vụ từ bên liên quan	-	169.627.195

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.083.480.146	2.488.521.033
Chi phí vật liệu, bao bì	1.980.106.610	1.094.116.078
Chi phí khác	444.569.649	339.829.284
Cộng	5.508.156.405	3.922.466.395

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.529.489.367	5.863.198.713
Chi phí khấu hao	352.664.086	288.325.884
Chi phí dự phòng	74.005.073	-
Chi phí khác	2.216.464.199	1.593.766.611
Cộng	8.172.622.725	7.745.291.208

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.237.469.496	8.725.456.134
Chi phí nhân công	15.594.728.034	16.809.925.062
Chi phí khấu hao	2.528.389.958	2.378.611.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.399.504	1.295.688.678
Chi phí khác bằng tiền	5.315.880.679	4.179.691.394
Cộng	33.914.867.671	33.389.372.508

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	15.032.688.491	11.759.759.703
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	204.000.000	258.567.845
Trừ: Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	(2.273.776.775)	(1.712.018.996)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	12.962.911.716	10.306.308.552
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.296.291.172	1.030.630.855
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế suất 20%	454.755.355	342.403.799
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.751.046.527	1.373.034.654
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(525.313.958)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.225.732.569	1.373.034.654

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN*****Theo lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phát sinh không đáng kể.

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | Công ty cùng tập đoàn |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	2.053.239.471
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	-	3.079.706.584
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	24.327.273	17.390.909
Cộng – Xem thêm mục 5.1	24.327.273	5.150.336.964

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	386.000.000	679.440.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên/Giám đốc	706.870.000	667.439.800
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên/Phó Giám đốc	603.670.000	569.899.800
Ông Đào Quý Tính	Thành viên	124.000.000	106.000.000
Ông Huỳnh Trường An	Thành viên	412.365.000	324.372.000
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc	481.870.000	401.643.454
Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	481.870.000	436.268.000
Cộng		3.268.645.000	3.185.063.054

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Tiền lương và các chi phí hoạt động của các thành viên trong ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	332.270.000	209.060.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	31.000.000	59.000.000
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2020)	32.000.000	-
Bà Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên	252.160.000	180.796.000
Cộng		647.430.000	448.856.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.832	3.378
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.832	3.378

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được báo cáo lại do số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2019 để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu khác so với số đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2020.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Minh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2021, riêng đối với thuyết minh mục 7 và mục 8 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính phát hành lại ngày 01 tháng 03 năm 2021.

Lê Văn Anh
Kế toán trưởng

Trần Khánh Dung
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building,
140 Nguyen Van Thu Street,
Da Kao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building,
No.302 Cau Giay Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District,
Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street,
Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District,
Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3335

